

## ĐỀ ÁN TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NĂM 2024

### I. THÔNG TIN CHUNG

#### 1.1. Thông tin chung về cơ sở đào tạo

- Tên cơ sở đào tạo: TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
- Địa chỉ: 180 Cao Lỗ, phường 4, Quận 8, TP. HCM.
- Điện thoại: (028) 38505520; Fax: (028) 38506595; Email: [contact@stu.edu.vn](mailto:contact@stu.edu.vn)
- Địa chỉ trang thông tin điện tử: <http://www.stu.edu.vn>

#### 1.2 Sứ mệnh, tầm nhìn, triết lý giáo dục

##### 1.2.1 Sứ mệnh

Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn là cơ sở đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực, đa hệ, với các trình độ: Đại học, cao học và nghiên cứu sinh; Cung cấp nguồn nhân lực chất lượng có phẩm chất đạo đức, tư duy độc lập, sáng tạo, chuyên môn cao, nghiệp vụ giỏi, văn hóa, ngoại ngữ tốt, phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và xu thế toàn cầu hóa của thế giới.

##### 1.2.2. Tầm nhìn

Trong giai đoạn 05 năm từ 2020 - 2025 phấn đấu trở thành trường đại học có thương hiệu, có uy tín và có chất lượng cao.

Đến năm 2030, Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn sẽ trở thành một cơ sở đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và cung ứng dịch vụ có chất lượng và uy tín trong các cơ sở giáo dục đại học theo định hướng ứng dụng ở Việt Nam.

##### 1.2.3. Triết lý giáo dục

Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn với triết lý giáo dục “**Chất lượng – Trách nhiệm – Chính trực – Hợp tác – Sáng tạo**” hướng đến mục tiêu đào tạo ra những kỹ sư, cử nhân có kiến thức vững chắc, có trách nhiệm với xã hội, đề cao tính chính trực và sẵn sàng hội nhập vào bất cứ môi trường làm việc nào.

#### 1.3. Quy mô đào tạo trình độ thạc sĩ

TT	Lĩnh vực/ngành đào tạo	Lĩnh vực	Quy mô đào tạo tính đến 31/12/2023
1.	Lĩnh vực sản xuất và chế biến	854	13

#### 1.4. Các ngành đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường

TT	Mã ngành	Tên ngành/chuyên ngành	Quyết định mở ngành/chuyển đổi tên ngành			Năm bắt đầu tuyển sinh	Năm TS & ĐT gần nhất
			Số quyết định	Ngày ban hành	Cơ quan cho phép		
1.	8540101	Công nghệ Thực phẩm	866/QĐ-BGDĐT	12/3/2018	Bộ GD&ĐT	2016	2023

## II. CÁC ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG

### 2.1. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu

#### 2.1.1. Thống kê diện tích đất, diện tích sàn xây dựng, ký túc xá

- Diện tích đất trụ sở chính: 20.000 m<sup>2</sup>
- Diện tích sàn xây dựng: 43.542 m<sup>2</sup> (gồm 02 khu vực chính: Khu cũ 28.000 m<sup>2</sup>; khu mới 15.542 m<sup>2</sup> đưa vào sử dụng năm 2023).
- Diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo tính đến 31/12/2022 là 25.287,98 m<sup>2</sup>. Với quy mô đào tạo 7.077 người học, nhà trường đạt điều kiện 3,91-6,15 m<sup>2</sup>/sinh viên
- Số chỗ ở ký túc xá sinh viên: 500 chỗ. Ký túc xá nằm trong khuôn viên trường rất thuận tiện cho người học sinh hoạt và học tập.

**Bảng 1. Cơ sở hạ tầng của Trường**

TT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng
1.	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên		
-	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	2 phòng	972 m <sup>2</sup>
-	Phòng học từ 100 – 200 chỗ	25 phòng	4.574 m <sup>2</sup>
-	Phòng học từ 50 – 100 chỗ	34 phòng	3.490 m <sup>2</sup>
-	Phòng học dưới 50 chỗ	36 phòng	2.895 m <sup>2</sup>
-	Phòng học đa phương tiện		
-	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên	13 phòng	460 m <sup>2</sup>
2.	Thư viện, trung tâm học liệu	3 phòng	654 m <sup>2</sup>
3.	Trung tâm nghiên cứu, Phòng thực hành, thí nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập thể thao	48 phòng	12.242,98 m <sup>2</sup>
	<b>TỔNG</b>	<b>161</b>	<b>25.287,98</b>

**2.1.2. Thống kê các phòng thực hành, phòng thí nghiệm và các trang thiết bị phục vụ cho ngành đào tạo**

**Bảng 2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị và tài liệu phục vụ cho ngành đào tạo**

TT	Nội dung	Số lượng
1.	Số phòng thực hành, thí nghiệm	6
-	Phòng Thí nghiệm Khoa học Thực phẩm	1
-	Phòng đánh giá Cảm quan	1
-	Phòng Công nghệ Sinh học	1
-	Phòng Kỹ thuật Thực phẩm	1
-	Phòng Chế biến Thực phẩm	1
-	Phòng Phát triển Sản phẩm	1
2.	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	2
3.	Tổng số thư viện điện tử ở nước ngoài được kết nối với thư viện của cơ sở đào tạo	5
-	IEEE Xplore	1
-	ScienceDirect	1
-	Thomson innovation	1
-	Proquest	1
-	Springer	1
4.	Tổng số thư viện điện tử ở trong nước được kết nối với thư viện của cơ sở đào tạo	6
-	tailieuVN	1
-	Mạng thông tin và khoa học công nghệ Tp.HCM	1
-	Nhiệm vụ KH&CN	1
-	Tạp chí Khoa học Việt Nam Trực tuyến - Vietnam Journals Online	1
-	Tổ chức KH&CN	1
-	Công bố KH& CN Việt Nam	1
5.	Tổng số đầu sách tham khảo phục vụ ngành đào tạo	1.105
	<i>Trong đó Bản cứng</i>	1.105
	<i>Bản điện tử</i>	0
	<i>Bản in và điện tử</i>	0
6.	Số tạp chí phục vụ ngành đào tạo	10

	<i>Trong đó Bản cứng</i>	3
	<i>Bản điện tử</i>	7
	<i>Bản in và điện tử</i>	0

Danh sách chi tiết máy móc, trang thiết bị tại các phòng thực hành, thí nghiệm được thể hiện tại Phụ lục I.

## **2.2. Danh sách giảng viên cơ hữu**

<b>TT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Chức danh</b>	<b>Trình độ</b>	<b>Chủ trì, giảng dạy ngành đào tạo trình độ thạc sĩ</b>
1.	Hoàng Kim Anh	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Công nghệ Thực phẩm
2.	Lưu Duẩn	Giáo sư	Tiến sĩ khoa học	Công nghệ Thực phẩm
3.	Phan Thế Đồng		Tiến sĩ	Công nghệ Thực phẩm
4.	Trần Quang Hiếu	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Công nghệ Thực phẩm
5.	Phan Ngọc Hòa	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Công nghệ Thực phẩm
6.	Phạm Kim Phương		Tiến sĩ	Công nghệ Thực phẩm
7.	Nguyễn Vũ Hoàng Phương		Tiến sĩ	Công nghệ Thực phẩm
8.	Lê Minh Hùng		Tiến sĩ	Công nghệ Thực phẩm

## **2.3. Kiểm định chất lượng**

### **2.3.1. Kiểm định Trường**

- Tháng 04/2017, Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn trở thành thành viên liên kết của Mạng lưới các trường đại học khu vực Đông Nam Á (Asean University Network – Quality Assurance Network).

- Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn đạt chuẩn Kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học, Giai đoạn 2023 – 2028 (chu kỳ 2) theo Giấy chứng nhận Kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học số 054/CEAHCM-TR ngày 27/12/2023 ban hành kèm theo Quyết định 221/QĐ-TTKĐ ngày 27/12/2023 của Trung tâm Kiểm định Chất lượng Giáo dục – Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (CEA-HCM).

### **2.3.2. Kiểm định chương trình đào tạo**

- Chương trình đào tạo ngành Công nghệ Thực phẩm đạt chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo trình độ đại học giai đoạn 2020 – 2025 theo Giấy chứng Nhận KĐCLGD chương trình đào tạo trình độ đại học số AP547STUOCT20 ngày 16/11/2020 tổ chức bảo đảm chất lượng của Mạng lưới các trường ĐH Đông Nam Á (AUN).

### III. THÔNG TIN TUYỂN SINH NĂM 2024

#### 3.1. Hình thức, thời gian đào tạo, chương trình đào tạo

- Hình thức đào tạo: chính quy theo cả định hướng nghiên cứu và định hướng ứng dụng.

- Đào tạo tập trung tại cơ sở đào tạo theo hình thức tín chỉ.

- Thời gian đào tạo chuẩn: 1,5 năm (18 tháng).

- Thời gian đào tạo tối đa: 3 năm (36 tháng).

#### 3.2. Chỉ tiêu và ngành tuyển sinh

- Chỉ tiêu tuyển sinh đăng ký năm 2024: 30 chỉ tiêu.

- Ngành tuyển sinh thạc sĩ năm 2024: Công nghệ Thực phẩm – Mã ngành: 8540101

#### 3.3. Đối tượng và điều kiện dự tuyển đào tạo trình độ thạc sĩ

3.3.1. Người đăng ký dự tuyển (ứng viên) đào tạo trình độ thạc sĩ phải đáp ứng các yêu cầu sau:

##### 3.3.1.1. Về văn bằng

- Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp; đối với chương trình định hướng nghiên cứu yêu cầu hạng tốt nghiệp từ khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu.

**Bảng 3. Danh mục ngành phù hợp**

STT	Ngành tuyển sinh cao học	Tên ngành đại học phù hợp <u>không</u> phải học bổ sung kiến thức	Tên ngành đại học phù hợp <u>phải</u> học bổ sung kiến thức	
			Tên ngành học	Học phần bổ sung, số tín chỉ
1.	Công nghệ Thực phẩm	1. Công nghệ thực phẩm 2. Chế biến lương thực thực phẩm và đồ uống 3. Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm 4. Bảo quản chế biến nông sản 5. Bảo quản chế biến thủy sản 6. Công nghệ chế biến thủy sản 7. Kỹ thuật thực phẩm 8. Công nghệ sau thu hoạch	1. Công nghệ kỹ thuật hóa học 2. Kỹ thuật hóa học 3. Công nghệ sinh học 4. Sinh học ứng dụng	1. Hóa học - Hóa sinh thực phẩm, 02 2. Vi sinh thực phẩm, 02 3. Công nghệ chế biến thực phẩm, 02

- Trường hợp ngành tốt nghiệp đại học không có tên trong danh mục ngành phù hợp ở bảng trên do ngành tốt nghiệp không còn đúng tên trong danh mục cấp IV hiện tại của Bộ GD&ĐT hoặc tốt nghiệp đại học nước ngoài thì thí sinh vẫn được nộp hồ sơ đăng ký nếu có nhu cầu và hội đồng tuyển sinh Trường sẽ xét duyệt hồ sơ của từng trường hợp. Văn bằng đại học do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận theo quy định hiện hành.

- Ứng viên tốt nghiệp đại học ngành phù hợp không bổ sung kiến thức được đăng ký dự tuyển ngay sau khi tốt nghiệp.

- Ứng viên tốt nghiệp đại học ngành phù hợp có bổ sung kiến thức được đăng ký dự tuyển sau khi đã học bổ sung kiến thức theo quy định của Trường.

### 3.3.1.2. Về ngoại ngữ

Có năng lực ngoại ngữ đầu vào từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam được minh chứng bằng một trong các văn bằng, chứng chỉ sau:

a) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ nước ngoài

b) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học do Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn cấp trong thời gian không quá 02 năm mà chuẩn đầu ra của chương trình đã đáp ứng yêu cầu ngoại ngữ đạt trình độ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

c) Một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định tại Phụ lục I của đề án này hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển.

d) Ứng viên chưa đáp ứng yêu cầu về năng lực tiếng Anh theo các yêu cầu tại các mục a, b, c ở trên phải dự thi tiếng Anh đầu vào do Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn tổ chức theo kế hoạch tuyển sinh từng đợt.

đ) Ứng viên dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học các chương trình đào tạo thạc sĩ bằng tiếng Việt phải đạt trình độ tiếng Việt từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt.

### 3.3.1.3. Yêu cầu khác

- Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận.

- Có đủ sức khỏe để học tập do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp với thời gian không quá 06 tháng.

- Nộp hồ sơ đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định của nhà trường.

### 3.3.2. Đối tượng và chính sách ưu tiên

#### 3.3.2.1. Đối tượng ưu tiên

a) Người có thời gian công tác liên tục từ 2 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi) tại các địa phương được quy định là khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy hiện hành. Trong trường hợp này, thí sinh phải có quyết định tiếp nhận công tác hoặc điều động, biệt phái công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền;

b) Công dân Việt Nam là người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú trên 18 tháng tại khu vực 1 được quy định theo Quy chế tuyển sinh đại học hiện hành;

c) Thương binh, bệnh binh, người có “Giấy chứng nhận được hưởng chính sách như thương binh”;

d) Con liệt sĩ;

đ) Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động;

e) Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học, được uỷ ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hoá học.

#### 3.3.2.2. Mức ưu tiên

a) Người dự thi thuộc các đối tượng ưu tiên trên (bao gồm cả người thuộc nhiều đối tượng ưu tiên) được cộng 10 (mười) điểm (thang điểm 100) cho điểm xét tuyển hoặc 01 (một) điểm (thang điểm 10) cho điểm của 1 môn thi.

b) Người có bằng đại học do STU cấp được hưởng chế độ ưu tiên trong tiêu chí xét tuyển trình độ thạc sĩ của STU.

### 3.4. Phương thức tuyển sinh

#### 3.4.1. Xét tuyển

##### 3.4.1.1. Hình thức

Xét tuyển dựa trên bảng điểm chương trình đào tạo đại học và phỏng vấn trực tiếp thí sinh để đánh giá về năng lực chuyên môn.

##### 3.4.1.2 Các tiêu chí xét tuyển và phỏng vấn năng lực chuyên môn.

- Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp với ngành, chuyên ngành đào tạo thạc sĩ (Điểm trung bình chung toàn khóa ở trình độ đại học đạt từ 5,5 trở lên theo thang điểm 10, đạt từ 2,0 trở lên theo thang điểm 4 hoặc từ điểm C trở lên theo thang điểm chữ).

- Thí sinh học bổ sung kiến thức thì các học phần học bổ sung phải đạt từ điểm C (hoặc quy đổi tương đương) trở lên.

- Đối với chương trình thạc sĩ theo định hướng nghiên cứu thì thí sinh phải đạt hạng tốt nghiệp đại học từ khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu.

- Có năng lực ngoại ngữ theo quy định.

### **3.4.2. Thi tuyển**

- Môn thi tuyển sinh:

Ngành đào tạo	Mã số	Môn thi tuyển		
		Cơ bản	Cơ sở	Tiếng Anh
Công nghệ Thực phẩm	8540101	Toán cao cấp	Hóa học – Hóa sinh thực phẩm	Thi đánh giá năng lực tiếng Anh do Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn tổ chức

### **3.4.3. Xét tuyển kết hợp thi tuyển**

Xét tuyển kết hợp với thi đánh giá năng lực tiếng Anh được áp dụng đối với các ứng viên dự tuyển theo phương thức xét tuyển nhưng chưa đảm bảo điều kiện ngoại ngữ theo quy định.

### **3.4.4. Điều kiện trúng tuyển**

Thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển đạt tối thiểu 50% thang điểm đối với mỗi môn thi đối với phương thức thi tuyển hoặc được Tiểu ban chuyên môn của Hội đồng tuyển sinh đánh giá từ “Đạt” trở lên đối với phương thức xét tuyển và đạt chuẩn đầu vào ngoại ngữ theo quy định.

Căn cứ vào chỉ tiêu đã thông báo và tổng điểm xét tuyển hay điểm thi (không tính điểm ngoại ngữ), Hội đồng tuyển sinh xác định phương án điểm trúng tuyển, xét theo thứ tự điểm từ cao xuống thấp cho đến khi đủ chỉ tiêu.

Trường hợp có nhiều thí sinh có cùng tổng điểm thi tuyển/xét tuyển (đã cộng điểm ưu tiên, nếu có) thì xác định người trúng tuyển theo thứ tự ưu tiên sau:

- a) Mức độ phù hợp của ngành/chuyên ngành tốt nghiệp đại học với ngành/chuyên ngành đăng ký xét tuyển;
- b) Có kết quả cao trong phỏng vấn (nếu có) của Hội đồng tuyển sinh;
- c) Hạng tốt nghiệp đại học được thể hiện trên văn bằng tốt nghiệp;
- d) Năng lực tiếng Anh theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;
- đ) Điểm trung bình chung toàn khoá ở chương trình đại học (theo thang điểm 10) được thể hiện tại bảng điểm tốt nghiệp đại học;
- e) Thí sinh là nữ ưu tiên theo quy định hiện hành của Nhà nước;

g) Người có bằng tốt nghiệp đại học do STU cấp;

h) Điểm đồ án tốt nghiệp đại học hoặc điểm trung bình chung của các học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo trình độ đại học.

### **3.5. Tổ chức tuyển sinh**

#### **3.5.1. Thời gian tuyển sinh (dự kiến)**

- Phát hành hồ sơ: Từ ngày 15/4/2024 tại Phòng Quản lý Khoa học và Sau đại học, Trường Đại Công nghệ Sài Gòn;

- Tiếp nhận hồ sơ: Từ ngày 15/4/2024 đến ngày 31/5/2024 đối với các ứng viên phải học bổ sung kiến thức và đến ngày 29/6/2024 đối với các ứng viên không phải học bổ sung kiến thức;

- Thời gian tổ chức học bổ sung kiến thức, ôn thi tuyển sinh: Từ ngày 03/6/2024 và hoàn thành trước khi xét tuyển/thi tuyển;

- Ngày xét tuyển hồ sơ và phỏng vấn thí sinh: 06 & 07/7/2024;

- Công bố kết quả phỏng vấn: 12/7/2024

- Ngày tổ chức thi theo phương án 2 và phương án 3 (nếu có): 27 & 28/7/2024;

- Công bố kết quả tuyển sinh năm 2024: 15/8/2024

- Nhập học và khai giảng: 24/8/2024.

#### **3.5.2. Hồ sơ đăng ký dự tuyển**

- Đơn xin dự tuyển (theo mẫu);

- Sơ yếu lý lịch có xác nhận trong thời hạn 06 tháng của cơ quan quản lý nhân sự hoặc của xã/phường/thị trấn nơi cư trú, có dán ảnh của người dự tuyển và đóng dấu giáp lai;

- Công văn cử đi dự tuyển của cơ quan quản lý trực tiếp theo quy định hiện hành về việc đào tạo và bồi dưỡng công chức, viên chức (nếu người dự tuyển là công chức, viên chức);

- Giấy xác nhận đủ sức khỏe học tập của bệnh viện đa khoa và giấy chứng nhận ưu tiên (nếu có);

- Bản sao văn bằng, chứng chỉ có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu, bảng điểm tốt nghiệp đại học;

- Bản khai các bài báo, công trình khoa học đã công bố cùng bản sao các công trình đó (nếu có);

- Văn bằng, chứng chỉ chứng minh về năng lực ngoại ngữ theo quy định;

- Giấy tờ hợp pháp về đối tượng ưu tiên (nếu có);

- 04 ảnh 3x4 (chụp không quá 03 tháng) và 02 phong bì dán tem, ghi rõ họ tên, địa chỉ liên hệ, điện thoại; email;

- Số lượng: 01 bộ, được nộp về phòng QLKH & SDH.

### **3.5.3. Lệ phí tuyển sinh**

- Lệ phí hồ sơ: 100.000 đồng/hồ sơ.

- Lệ phí thi tuyển/xét tuyển: 450.000 đồng/thí sinh.

- Học phí ôn tập môn cơ sở và tiếng Anh: 800.000 đồng/môn.

- Học phí ôn tập môn cơ bản (Toán cao cấp): 1.000.000 đồng/môn

- Học phí học bổ sung kiến thức: 800.000đ/tín chỉ.

**3.5.4. Học phí:** 20.000.000 đồng/học kỳ.

## **IV. HỌC TRƯỚC HỌC PHẦN THẠC SĨ**

### **4.1 Đối tượng và điều kiện đăng ký**

Sinh viên STU đang học chương trình đào tạo đại học ngành Công nghệ Thực phẩm hết năm học thứ 3 và có học lực tính theo điểm trung bình tích lũy xếp loại khá trở lên được phép đăng ký học trước một số học phần của chương trình đào tạo.

### **4.2. Hình thức đào tạo, số lượng tín chỉ tối đa**

- Sinh viên được học chung lớp học phần với chương trình đào tạo thạc sĩ.

- Số tín chỉ tối đa được đăng ký học trước: 15 (mười lăm) tín chỉ.

- Sinh viên phải đảm bảo tổng số tín chỉ đang học ở bậc đại học và số tín chỉ được đăng ký học ở trình độ thạc sĩ trong một học kỳ không vượt quá 25 tín chỉ.

- Các học phần được đăng ký học trước thuộc khối kiến thức khối ngành và chuyên ngành của CTĐT thạc sĩ. Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ vui lòng xem lại link sau: [Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn - Sau đại học \(stu.edu.vn\)](http://Truong-Dai-hoc-Cong-nghê-Sai-Gon-Sau-dai-hoc.stu.edu.vn)

- Kết quả học tập được công nhận khi sinh viên hoàn thành học phần và được miễn học các học phần trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ tương ứng khi đáp ứng các yêu cầu sau:

+ Đáp ứng chuẩn đầu ra, yêu cầu về giảng viên, khối lượng học tập và các yêu cầu khác của học phần trong chương trình đào tạo thạc sĩ.

+ Điểm đánh giá đạt từ điểm C (hoặc quy đổi tương đương) trở lên.

+ Thời điểm hoàn thành không quá 05 năm tính tới thời điểm xét công nhận, chuyển đổi.

- Học phí: 1.000.000 đồng/tín chỉ.

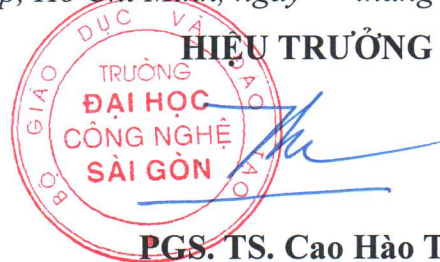
### 4.3. Tổ chức thực hiện

- Sinh viên tìm hiểu, lựa chọn các học phần được phép để đăng ký, nộp đơn đăng ký theo mẫu về Phòng QLKH&SDH.
- Phòng QLKH&SDH tổ chức kiểm tra, rà soát, đối chiếu và tổng hợp kết quả xét công nhận sinh viên đủ điều kiện đăng ký học trước một số học phần thạc sĩ.
- Phòng QLKH&SDH thông báo kết quả đến sinh viên và cập nhật danh sách để theo dõi và quản lý.
- Sinh viên tiến hành đăng ký học phần theo cùng học kỳ học tập của học viên cao học.
- Lịch học của các học phần trình độ thạc sĩ phải được sắp xếp phù hợp với lịch học với các học phần trình độ đại học của sinh viên.

#### Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT;
- Hội đồng Quản trị;
- Các đơn vị trong trường;
- Website Trường;
- Lưu.

Tp, Hồ Chí Minh, ngày tháng 4 năm 2024

**HIỆU TRƯỞNG**  
  
**PGS. TS. Cao Hào Thi**



## PHỤ LỤC I

### Danh sách máy móc, trang thiết bị chi tiết tại các phòng thực hành, thí nghiệm

STT	Tên gọi của máy, thiết bị, kí hiệu, mục đích sử dụng	Nước sản xuất, năm sản xuất	Số lượng
1	Máy trộn bột 30 lít	Trung Quốc	01
2	Bếp điện từ Frico	Đức	02
3	Lò nướng điện 1T-2K	Trung Quốc	02
4	Hệ thống nấu bia và nạp CO <sub>2</sub>	Việt Nam	01
5	Máy ép dòn	Việt Nam	02
6	Máy ghép mí lon (inox)	Việt Nam	02
7	Máy ghép mí lon (sắt)	Việt Nam	01
8	Máy đồng hóa Silverson	Anh	01
9	Tủ hấp Olga	Trung Quốc	01
10	Chảo băm thịt 3 pha	Trung Quốc	01
11	Cân kỹ thuật 2 số lẻ	Nhật Bản	02
12	Nồi hấp tiệt trùng SA 300VF	Đài Loan	01
13	Hệ thống chiên chân không	Việt Nam	01
14	Máy li tâm tách nước, dầu	Việt Nam	01
15	Máy trộn	Việt Nam	01
16	Máy nghiền búa	Việt Nam	01
17	Máy ép trục vis	Việt Nam	01
18	Tủ âm 53l memmer	Đức	01
19	Tủ sấy 108l - UNB 500	Trung Quốc	01
20	Tủ sấy 108l - INB 500	Trung Quốc	01
21	Hệ thống chân cất VAP 20	Ấn Độ	01
22	Cân kỹ thuật 2 số lẻ	Mỹ	01
23	Cân phân tích 4 số lẻ	Ý	01
24	Bếp cách thủy WNB 14	Đức	01
25	Bộ phá mẫu	Trung Quốc	01

26	Máy đo quang phổ LABOMED	Mỹ	01
27	Máy li tâm Hitachi	Nhật	01
28	Máy cát nước 1 lần	Ấn	01
29	Máy khuấy từ	Italia	01
30	Máy li tâm EBA 20	Nhật	01
31	Máy quang phổ Genesys 10 UV vis	Mỹ	01
32	Máy đo pH để bàn	Italia	02
33	Máy chung cất đạm	Đức	01
34	Máy cô đặc chân không	Việt Nam	01
35	Máy khuấy từ gia nhiệt 1 vị trí	Đức	01
36	Hệ thống bình phản ứng sinh học	Việt Nam	01
37	Tủ sấy 1081 memmet UNB 500	Đức	03
38	Tủ cấy vi sinh	Việt Nam	01
39	Tủ ẩm 1081 – INB 500	Đức	02
40	Bộ lọc MoO	Trung Quốc	01
41	Máy lắc ổn nhiệt (2008)	Trung Quốc	02
42	Máy lắc Voltex MS 3 basic	Ý	04
43	Kính hiển vi 2 mắt – CX21	Ý	02
44	Kính hiển vi 2 mắt OPTIKA	Ý	06
45	Máy li tâm lạnh MIKRO 220R	Đức	01
46	Kính hiển vi 2 thị kính CXL	Ý	03
47	Kính hiển vi 2 thị kính Labomed	Mỹ	02
48	Máy li tâm điện tử hiện số	Đức	01
49	Máy cát nước 1 lần	Ấn Độ	02
50	Máy quang phổ Spectro 20D	Mỹ	01
51	Cân kỹ thuật 2 số lẻ	Mỹ	02
52	Cân phân tích ATY 224	Ý	01
53	Máy dập mẫu vi sinh	Trung Quốc	01
54	Nồi hấp tiệt trùng	Việt Nam	01

55	Máy lắc ổn nhiệt (2010)	Trung Quốc	01
56	Máy li tâm HETTICH EBA 12	Đức	01
57	Tủ lạnh âm sâu -30°C	Nhật	01

10

